

# BIỂU TƯỢNG TỪ VẬT DỤNG, LỄ VẬT VÀ THÀNH PHẦN CHỨC SẮC, CHỨC VIỆC TRONG LỄ HỎA TÁNG BÓN THẦY PASÉH CỦA NGƯỜI CHĂM BÀLAMÔN Ở NAM TRUNG BỘ QUA THƯ TỊCH CỔ CHĂM

**ThS. Trần Nguyên Khoa**  
**Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Thuận**

***Tóm tắt:** Hỏa táng là một lễ tục đã có từ lâu của người Chăm Bàlamôn. Cùng với thành phần chức sắc, chức việc thì những vật dụng, vật lễ là thành phần không thể thiếu trong nghi lễ và tất cả đều mang một ý nghĩa, biểu tượng theo quan niệm của người Chăm. Đến nay đã có nhiều nghiên cứu về lễ hỏa táng của người Chăm Bàlamôn. Song chưa có nghiên cứu nào làm rõ biểu tượng của những vật dụng, lễ vật và các thành phần chức sắc, chức việc tham gia. Vì thế, đi sâu tìm hiểu, nghiên cứu về vấn đề này qua thư tịch cổ Chăm sẽ góp phần làm rõ hơn nhân sinh quan của người Chăm Bàlamôn qua phong tục hỏa táng để tránh những ngộ nhận, hiểu sai, làm biến dạng văn hóa phong tục truyền thống của dân tộc Chăm ở Nam Trung Bộ.*

***Từ khóa:** Lễ hỏa táng, biểu tượng, Chăm Bàlamôn, lễ vật, lễ nghi.*

*Ngày nhận bài: 22/2/2018; ngày gửi phản biện: 5/5/2018; ngày duyệt đăng: 13/6/2018*

## **Mở đầu**

Dân tộc Chăm ở Nam Trung Bộ cũng như các dân tộc ở Đông Nam Á trước khi tiếp xúc với Bàlamôn giáo và sau này là Islam giáo, đều có nền văn hóa đậm nét tín ngưỡng phồn thực, quan niệm lưỡng hợp. Trải qua những giai đoạn lịch sử đầy biến động và thăng trầm, văn hóa dân tộc Chăm biến đổi đồng hành cùng diễn trình vận động trong không gian, qua thời gian của sự tiếp biến, sự giao thoa, hòa nhập giữa những yếu tố văn hóa nội sinh và ngoại sinh, tạo nên một sắc thái văn hóa Chăm nơi đây mang nhiều nét đặc thù. Tuy nhiên, lễ hỏa táng của người Chăm Bàlamôn do gắn liền với đời sống tâm linh của từng con người, nên hiện nay vẫn được duy trì. Có điều là không ít người, nhất là giới trẻ vẫn chưa biết rõ biểu tượng của từng lễ vật trong nghi lễ hỏa táng.

Đến nay đã có nhiều công trình, bài viết về phong tục hỏa táng của người Chăm. Có thể kể tới một số ấn phẩm như: *Đám ma Chăm* của Thiên Sanh Cảnh (1972); *Lễ hỏa táng của người Chăm Bàlamôn ở Ninh Thuận* của Phan Quốc Anh (2002); *Đám ma người Chăm*

*Bàlamôn ở Thuận Hải* của Sừ Văn Ngọc (1978); *Cụm lễ tang của người Chăm Bàlamôn Ninh Thuận* của Hải Liên (2002);... Bên cạnh đó, một số công trình chuyên khảo của các tác giả Bồ Xuân Hồ, Bá Trung Phụ, Jashalikei... cũng đề cập đến lễ hỏa táng của người Chăm Bàlamôn. Các công trình này được đầu tư rất công phu, mô tả khá đầy đủ, chi tiết về lễ hỏa táng cùng với những giá trị tinh thần đối với người Chăm.

Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có bài viết đề cập một cách đầy đủ về biểu tượng của những vật dụng, vật lễ và các thành phần chức sắc, chức việc trong đám tang người Chăm Bàlamôn. Có nhiều lý do, trong đó phải kể đến tình trạng không phải người Chăm nào cũng đọc và dịch được Thư tịch cổ Chăm, nhất là các Thư tịch ấy được viết tay trên lá buông hoặc giấy dó có tuổi đời hàng trăm năm, được người Chăm coi là tài sản truyền thừa cho con cháu cất giữ và hiếm khi đưa cho người khác. Trong khi đó, biểu tượng từ các vật dụng, lễ vật được đề cập chủ yếu trong Thư tịch cổ Chăm. Vì thế, bài viết này góp phần làm rõ hơn nhân sinh quan của người Chăm Bàlamôn qua phong tục hỏa táng để tránh những ngộ nhận, hiểu sai, làm biến dạng văn hóa phong tục của dân tộc Chăm ở Nam Trung bộ vốn mang nhiều giá trị nhân văn và tính biểu tượng cao. Bài viết dựa trên các phương pháp sưu tầm và nghiên cứu tư liệu gốc - một trong các tư liệu gốc đó là Thư tịch cổ được lưu giữ bởi ông Quảng Văn Đại, ở thôn Chát Thường, xã Phước Hậu, Huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận và thâm nhập thực tế để tham khảo ý kiến từ các vị chức sắc tôn giáo Chăm.

## **1. Vài nét về tín ngưỡng, tôn giáo và phong tục đám tang của người Chăm Bàlamôn ở Nam Trung Bộ**

### ***1.1. Tín ngưỡng, tôn giáo của dân tộc Chăm ở Nam Trung Bộ***

Dân tộc Chăm ở Nam Trung Bộ có tín ngưỡng thờ đa thần, phong phú về văn hóa phi vật thể và đa dạng về văn hoá vật thể. Với hai nhánh tôn giáo chính là Bàlamôn (Chăm *Ahier*) và Hồi giáo Bani (Chăm *Awal*), trong tín ngưỡng dân gian, tầng lớp của hai nhánh tôn giáo này cũng như các thành phần chức sắc, chức việc luôn đóng vai trò chủ đạo khi thực hành các lễ nghi phong tục.

Về truyền thống, người Chăm chỉ có tín ngưỡng thông qua các lễ nghi phong tục của dân tộc, theo đó có tục hỏa táng của người Chăm Bàlamôn. Trong quá trình phát triển vương quốc Chăm-pa trước đây, vấn đề giao thương buôn bán với bên ngoài là rất cần thiết; hơn nữa, người Chăm ở một vị trí thuận lợi và là nơi hội tụ của nhiều nền văn hóa, tôn giáo khác nhau. Qua giao thoa, người Chăm tiếp thu Bàlamôn giáo của Ấn Độ và Islam giáo của khối Ả-rập, rồi cải biến trên cơ sở đặc thù văn hóa tộc người, đồng thời phát triển theo dòng lịch sử của thời gian thành một văn hóa đặc sắc riêng của tộc người Chăm. Sự địa phương hóa hai nhánh tôn giáo này là một đặc thù riêng cho người Chăm và không có ở bất cứ quốc gia nào trên thế giới, bởi vì Bàlamôn giáo là biểu tượng phái nam, còn Chăm Bani là biểu tượng phái nữ: trong nam có nữ thông qua túi trầu của tầng lớp *Paséh* (Chăm Bàlamôn) và trong nữ có

nam thông qua hai túi vắt sau lưng của tăng lữ *Acar* (Chăm Bàn). Vì thế, hai tôn giáo đó coi như là vợ với chồng có sự đồng thuận trong cuộc sống, chi phối mạnh mẽ đời sống cộng đồng Chăm ở Nam Trung Bộ và có đóng góp tích cực trong quá trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội tộc người Chăm từ thời xưa đến nay.

## **1.2. Sự hình thành đám tang Chăm Bàlamôn**

### **1.2.1. Phong tục làm đám tang thiêu**

Đây là triết lý Po Nâbi Mahammat sáng tạo phong tục đám tang thiêu để cho con người tiễn đưa *Po Débita Thuer* và *Yang Po Yang Amâ*. Hai ngài đứng gả, đứng hỏi thành vợ chồng cho con người và tất cả ai ai cũng đều là con của *Yang Po Yang Amâ*. Do vậy, việc cúng kính thần lửa cũng như tất cả các nghi lễ phong tục đều có mặt *Yang Po Yang Amâ*. Đâu đâu *Yang Po Yang Amâ* là Po Uw Lua Huk sinh trước tất cả các thần Yang, và sinh vào ngày thứ sáu, tháng 9, năm Ty (*Ula anaih*). Song, con người phải nhận diện tìm kiếm cho ra thì mới biết *Yang Po Yang Amâ* hóa thân yang nào, rồi để cho biết là *Yang Po Yang Amâ*, sau đó *Yang Po Yang Amâ* lại biến thành thần Yang khác. Đồng thời, để biết nhận diện phong tục đám tang thiêu do *Po Nâbi Ik Bar Rahi Mâk* muốn siêu thoát lìa trần gian để lên thiên đường, nhưng chỉ linh hồn mới biến hóa lên thiên đường. Muốn siêu thoát lên thiên đường thì thần *Po Nâbi Ik Bar Rahi Mâk* xin ở *Po Nâbi Mahammat* cho bốn thần (*Po Nâbi*) để cùng giữ linh hồn và thể xác gồm: 1) Po Débita Thuer ở vai trái; 2) Po Nâbi Yon Nâk ở vai phải; 3) Po Nâbi Yon Naih ở chân trái; và 4) Po Nâbi Adam ở chân phải.

Vì *Po Nâbi Ik Bar Rahi Mâk* sợ rằng ma quỷ ác sẽ đến quây phá thể xác và linh hồn, nên ngài Po Nâbi Mahammat đưa ra cho tất cả 12 thành phần chức sắc, chức việc trong quá trình thực hành lễ tang. Riêng ông đại diện chủ nhà (*po damân*), ông thầy giữ nhà và bà đơm com (*muk buh*) thì nằm ngoài phong tục. Khi tiễn người chết lên thiên đường, chỉ linh hồn mới có thể siêu thoát. Theo đó, hồn ra chỗ xoáy đầu (*kayon akaok*) thì sẽ lên thiên đường, hồn ra theo ngón tay và ngón chân sẽ đi phục vụ cho ma quỷ, hồn ra theo lỗ rốn sẽ ở trần gian để con cháu dòng họ thờ cúng hàng ngày. Khi linh hồn lên đến thượng tầng thứ sáu thì thấy những ma quỷ chặn lại không cho đi nữa. Lúc đó thần Po Nâbi Mo Sa và Po Alua Huk xuất hiện, rồi Po Nâbi Mo Sa ban cho linh hồn 5 chữ bùa được cách điệu bằng 5 con chim thần (*heng*) gồm: 1) Con chim thần vai trái; 2) Con chim thần vai phải; 3) Con chim thần chân trái; 4) Con chim thần chân phải; và 5) Con chim thần trên nóc. Các con chim đưa người chết đến sông Thiên đường (*Kraong khao phar*) thì bị kẹt, nên mới có con bò thần (*Limaow kapil*) của *Po Alua Huk* xuất hiện và cho *Po Jibira Ellat* lấy của (chăn áo) để mượn con bò này đưa linh hồn qua sông rồi lên đến thượng tầng thứ 7 và tới con đường làng xóm trên trời. Nhưng lúc đó do linh hồn còn quuyến luyến với thể xác chưa muốn rời nhau, nên sáng ngày thiêu khiêng đi nửa đường cần xoay đầu để cho hồn ra khỏi thể xác, thầy Paséh thợ vẽ chữ

bùa trên đất, chỉ cây chà gạc (*tagak*) lên đỉnh đầu (xoáy đầu) và chắm vào đó chữ bùa để chỉ đường cho hồn đi ra.

Còn cờ lễ mà người ta gọi là cờ núi và cờ biển bây giờ để lại dấu tích cho con người làm theo nhằm tiễn đưa người chết: dòng giống nào có cờ lễ và trống chiêng thì gọi là người quý phái. Trên trần gian lúc đó chưa có chần vải, giấy cũng như vật thể khác, nên *Po Haw Wa Adam* lấy tranh săng cột vào cây làm cờ, lấy lá cây làm bong bóng để tiễn đưa *Po Alua Huk* đi đường núi, còn hai cây cờ biển trên cột tranh săng thì ở dưới có làm cánh buồm (*riyar*). Đến khi thần *Nâbi Ik Bar Rahi* đi lên thiên đường thì thần *Nâbi Mo Sa* tạo cờ biển để tiễn đưa thần *Nâbi Ik Bar Rahi* lên thiên đường. Do vậy, con người giữ mãi tập tục này cho đến bây giờ (Quảng Văn Đại, MSTL-80/QVĐ/CT, tr. 89-92).

### 1.2.2. Chết chôn nhưng lại thiêu

Từ thuở xa xưa *Yang Po Yang Amâ* và *Po Inâ Nugar* sinh ra loài người. Ma quỷ hiện lên bắt con người chết thì *Po Nâbi Mahammat* mới sai bảo bốn thần (*Po Nâbi*) khiêng người chết đi chôn, gồm bốn thần: 1) *Po Jibira Ellak*, 2) *Po Makha Ellak*, 3) *Po Rahik*, và 4) *Po Rahi*. Nhưng bốn thần này lại khiêng đi thiêu rồi hốt than tro đem đổ trong rừng, phủ than tro thừa thãi làm thành mộ nhỏ. Sau đó, bốn ngài *Po Nâbi* đi tâu với *Po Nâbi Mammat* rằng đã chôn xong. *Po Nâbi Mammat* xem thấy khói biết rằng bốn thần đã khiêng người chết đi thiêu nhưng không nói gì, bảo bốn ngài dẫn đi xem ngôi mộ và thấy dấu vết thiêu rồi phủ than tro thừa làm mộ giả. Thấy sự việc như vậy, *Po Nâbi Mammat* trách bốn *Po Nâbi* rằng ta bảo khiêng đi chôn mà chúng mày khiêng đi thiêu con người, bây giờ ta bắt bốn chúng mày bị thiêu như chúng mày thiêu người ta, bốn thần thẹn thùng không biết nói gì. Sau đó, *Po Nâbi Mammat* bắt bốn thần đứng ở bốn góc, lấy củi chát vào rồi đốt. Bốn thần biến hóa bốn bó củi lễ (*njuh kacang*) với bốn cây nọc (*jamang hatam*) đứng ở đằng trước thay thế mình rồi hóa phép thoát ra ngoài. Đến khi thiêu xong, *Po Nâbi Mammat* thấy bốn thần vẫn còn sống. Thấy vậy, *Po Nâbi Mammat* bắt bốn thần lại và nói, mày làm thế nào mà thiêu người ta như vậy, bây giờ ta bắt bốn chúng mày làm thế nào cho nó khỏi đói khát và không bắt bớ dòng họ nó, có vậy ta sẽ không làm tội chúng mày nữa. Thần *Yang Nâbi Mahammat* không cho nôi không cho chén, không cho com, bây giờ chúng mày làm thế nào để cho nó có com ăn. Do vậy, bốn thần bèn hóa phép thành com, hóa phép thành mâm lấy vỏ măng tre làm chén để hành lễ giỗ cho người chết, để người chết không hiện hồn thành ma quỷ bắt dòng họ. Còn việc úp rỏ ở đầu nhà lễ không ngoài mục đích để bắt hồn người chết giữ tại đó 3 ngày sau sẽ hành lễ giỗ cho hồn ấy. Vậy, chết chôn rồi lại thiêu là tạo lễ giỗ cho người chết để được tốt, có như vậy người chết sẽ không hiện hồn ma quỷ bắt dòng họ nữa (Quảng Văn Đại, MSTL-91/QVĐ/CT, tr. 14-15).

### 1.3. Đặc điểm chung và những kiêng cử trong đám tang Chăm Balamôn

Về đặc điểm, phong tục đám tang không ngoài mục đích để đưa linh hồn người chết lên thiên đường về với ông bà tổ tiên (đối với các loại đám tang thiêu), hay về với cõi âm lòng đất mẹ (đối với các loại đám tang chôn). Cuối đời con người thông qua phong tục đám tang gắn với những quan niệm sau:

*Một là*, sinh ra lớn lên là một cuộc sống tạm bợ trên trần gian và cũng là một chuyến đi buôn dài của một đời người trên trần gian vậy.

*Hai là*, kết quả chuyến đi buôn của một đời người là chết được làm đám tang có cơm ăn áo mặc, có của dư của để mang theo về với ông bà tổ tiên ở thế giới thiên đường.

*Ba là*, phong tục đám tang là một triết lý tạo hóa theo con đường sinh đẻ của con người trên trần gian mà người Chăm gọi *jalan pa mâng jieng*.

Riêng kiêng cử, người Chăm Balamôn kiêng ăn thịt bò bởi vì thần *Balrahimâk* thích đi lên thiên đường. Thần Yang Mahammat đưa ra phong tục đám tang thiêu mới lấy tranh sừng thất hình hài để thay cho thể xác thần *Balrahimâk*, lấy cỏ chi là chiếc nhẫn, lấy tranh sừng làm cờ, lấy lá cây làm cờ núi và cờ biển, những thứ đó đốt (thiêu) thay cho thần *Balrahimâk* đi lên thiên đường. Khi đi đến con sông Thiên đường thì có thần Yang *Jimbiraellak* và con bò thần chặn lại, nhưng thần *Balrahimâk* vẫn cương quyết đi. Thần Yang Mahammat mới ban một bò thần đen bóng và mượn cho con bò thần đó một bộ y phục thì con bò thần mới đưa thần *Balrahimâk* qua sông Thiên đường lên đến tầng thứ bảy của thiên đường. Do vậy, tất cả người Tàu, Á-rập, Khơ-me chết thiêu theo phong tục không chỉ kiêng ăn thịt bò, mà còn làm chuồng trại chăn nuôi bò một cách trang trọng và lấy phân bò đốt bôi lên trán mình (Quảng Văn Đại, MSTL-95/QVĐ/CT, tr. 23-24).

Người Chăm Balamôn quy định, khi làm đám tang thì trong tháng đầu kiêng ăn thịt thú đẻ con. Lời của sư tổ xưa phán lại rằng: từ xưa để lại cho con người trên trần gian này không nên ăn thịt thú đẻ con vì hình như hồn của con người trên trần gian hết đời (chết) thì chui vào ở trong lòng thú xong rồi mới tạo hóa lại. Theo phong tục đám tang thiêu thì thần Yang lại ban hồn cho con người trở lại; vì vậy trong phong tục đám tang thiêu, con cháu trong tộc họ mới hót lấy một nắm gạo lúa cho thầy Paséh khi hành lễ cho ăn - một tượng trưng mình đã nguyện chịu tang với người chết rồi. Nếu cha mẹ dòng họ máu thịt mình chết làm đám thiêu, trong một tháng đó mà mình không kiêng cử (giữ) theo phong tục tập quán trong khoảng thời gian tang chế này, ngược lại mà làm theo lòng dạ mình thích mà ăn thịt con thú vật đẻ thì chẳng khác gì mình ăn thịt mẹ cha mình vậy. Do đó, thần Yang mới xui khiến cho hồn ma đến bắt bớ, làm cho bệnh hoạn, bà con dòng họ tan nát từ trong ra ngoài vì đã làm ô uế lòng dạ con thú vật đó rồi (Quảng Văn Đại, MSTL-95/QVĐ/CT, tr. 73-74).

#### 1.4. Sơ lược về diễn trình lễ hỏa táng bốn thầy *Paséh*

Đối với đám tang của tầng lớp quý tộc giàu có, lễ hỏa táng diễn ra ba ngày đêm và một buổi sáng ngày thứ tư. Việc chọn ngày do *Cả sư* và *Phó cả sư* ở từng khu vực quyết định theo thứ tự trong tuần: hoặc là chủ nhật, thứ hai, thứ ba, thứ tư; hoặc là thứ tư, thứ năm, thứ sáu, thứ bảy. Nếu chọn ngày chủ nhật đến thứ tư thì ngày thứ hai phải là ngày nghỉ, nhưng chọn từ ngày thứ tư đến ngày thứ bảy thì ngày thứ năm là ngày nghỉ, bởi hai lẽ: 1) Trong tuần có hai ngày kỵ là thứ hai và thứ năm; 2) Sau lễ “cho ăn”, “tạo hình hài” phải có một ngày trống để cho Âm - Dương hòa hợp thì bào thai mới có đủ thời gian để tượng hình.

Ngày thứ nhất là ngày “cho ăn” do thầy *Paséh Pahuk* hành lễ. Thi thể từ trong nhà đưa ra rạp và được con cháu tắm rửa sạch sẽ, bọc vải trắng. Sau đó, mặt người chết được mở vải ra để làm lễ “cho ăn”. Vị *Paséh* này trực tiếp làm phép và bốc gạo bỏ vào mồm người chết cùng ít muối hạt, nước. Bên cạnh có hai nam nữ thanh niên (có thể lấy nhau) mình trần, tay vịn vào ông *Paséh Pahuk* khi cho ăn để cho gạo, muối, nước cúng hội đủ âm - dương, tạo điều kiện đầy đủ cho một sự khai sinh, đầu thai sang kiếp khác từ cái chết. Sau đó, thầy *Paséh Talang* làm lễ “tạo hình hài” trên thi thể người chết bằng quả cau đực và dây lá rừng. Tiếp đến là lễ “đại liệm”, thi thể được bọc vải kín làm ba đoạn nằm trong chiếc *lồng úp*. Sau “cho ăn”, nhạc lễ bắt đầu réo rắt về đêm.

Ngày thứ hai (hoặc ngày thứ năm) là ngày nghỉ trong lễ hỏa táng, tuy vậy nhạc lễ tấu vẫn tiếp tục ngày đêm.

Ngày thứ ba là ngày “chém cây”. Ông *Ragei* cầm chà gạc làm phép (như chặt cây, róc vỏ) trên số cây có sẵn để làm dàn khiêng, nhà mồ,... Dàn khiêng có hai đòn dài cho bốn người khiêng, có khung ứng với chiều dài của người chết bằng ba thanh ngang và hai thanh dọc. Nhà mồ là một hình nhà có mái, khung và bốn cột bằng tre có dán giấy màu sắc sỡ để hồn người chết tọa lạc sau này.

Ngày thứ tư là ngày Hỏa táng. Sáng sớm thì dựng trước rạp ông *Hăng* (bên phải rạp chính, nhìn từ trong ra) ba cái bếp. Phía trước ba bếp về hướng Tây có ba cây cọc cao khoảng 1m, cách nhau 0,4m và ba nẹp ngang được cột vào ba cọc, trông như một hàng rào ngắn, che chắn trước ba bếp. Lúc này người ta cũng đi lấy nước, lấy củi đem về đây. Cùng lúc, trong rạp lễ nhạc lại vang lên.

Khoảng 8 giờ sáng, liếp phía Đông được mở ra một đoạn để đưa thi hài ra ngoài đặt lên giàn khiêng. Trên thi thể đặt thêm một tấm ván có hình chim *Hăng* (mỏ chim, đầu phượng, mình rồng). Chiếc lồng chụp được dỡ ra để thay vào đó là ngôi nhà mồ đẹp đẽ. Bọc vải trắng trên sào trước rạp được hạ xuống để mang theo cùng lồng chụp và một số thứ khác đến đặt ở giữa đoạn đường từ rạp đến chỗ thiêu. Tại đó, chiếc lồng úp và mọi thứ được đốt lên, khói bay mù mịt, dàn khiêng phải khiêng qua đám lửa và quay ngược lại để chân đi trước. Lúc

này chính là thời điểm “bụng chửa” (tức lồng chụp) sắp xếp xuống, nước lồi ối (bọc vải trắng) đã bê ra. Dàn khiêng, chân đi trước là để sinh nở. Cũng lúc đó, đứng một hàng thẳng trước dàn khiêng, các thầy Paséh đưa gậy lên trời để đưa hồn thoát đi khỏi xác. Còn lại, trong xác chết là một “hình hài” mới đã được “khai sinh”. Các thầy Paséh vào rạp cạnh đó ăn bánh trắng nướng (bánh đa). Bánh này chính là sữa mẹ (người tạo hình) để cho “con” bú lần đầu sau khi lọt lòng.

Sau đó, giàn khiêng được đặt lên đồng củi lớn bằng cây me - một loại củi dùng để hỏa thiêu. Khi lửa cháy cao, một người đàn ông quen việc cầm *ní* (xà beng) đục vỡ xương trán người chết để đem đi nơi khác, dùng rựa đẽo thành chín miếng xương tròn như đồng xu, mang đến cho thầy Paséh tẩy ướ, rồi đục vào chiếc *Klaong* bằng đồng, chờ ngày đưa về quê mẹ nhập *Kut* của gia tộc (Hải Liên, 1999, tr. 177-178).

## **2. Biểu tượng từ vật dụng, lễ vật và các thành phần chức sắc, chức việc trong lễ hỏa táng**

Qua thư tịch cổ cho thấy, nhà lễ biểu tượng thân thể con người cũng là người mẹ và là người chết nằm trong nhà lễ. Theo đó, mỗi bộ phận của nhà lễ và ở trong nhà lễ có biểu tượng như: cột biểu tượng chân con người; tre đòn tây biểu tượng xương sống con người; cây dui biểu tượng xương sườn con người; dây cột biểu tượng gân trong cơ thể con người; tám sóng lá lợp biểu tượng da bọc thân thể con người; ngăn giữa nhà lễ biểu tượng phần bụng; ngăn trong để đặt hài cốt biểu tượng phần ngực; tám trướng treo trong nhà lễ biểu tượng hai nách con người; lửa chụm trong nhà lễ biểu tượng ngũ tạng trong cơ thể con người; lửa ở ngoài đầu nhà lễ biểu tượng lửa trong chồi của người đẻ; lửa trước nhà lễ biểu tượng lửa bếp nấu vào buổi sáng ngày thiêu; góc cây tre làm đòn tây biểu tượng đầu nhà lễ vào buổi sáng ngày tiến hành hỏa thiêu. Bên cạnh đó, cây trượng cầm tay biểu tượng sự tổ của thầy Paséh; bàn tổ hành lễ biểu tượng vợ thầy Paséh; cái bát nước biểu tượng cái đầu; cây dao tục hành lễ biểu tượng thầy Paséh hành lễ.

Lưỡi con dao biểu tượng lưỡi; chiếc nhẫn dao biểu tượng vòng mắt; khâu con dao biểu tượng cuống họng; cây đèn con dao biểu tượng hiện thân thầy Paséh chủ lễ; dây chỉ trắng cột dao biểu tượng gân cốt. Hạt cau đục biểu tượng quả tim; đèn dầu trong nhà lễ biểu tượng thiên thần chứng giám; đèn hài cốt gồm 4 cây biểu tượng cho 4 thần trông giữ hài cốt. Gạo biểu tượng thịt; bột gạo trắng rắc biểu tượng gân cốt; viên com biểu tượng máu cục; que bông cắm lên viên com biểu tượng lông con người; lá mít gắn bông lúc lang biểu tượng da; bông lúc lang biểu tượng máu; mũ chụp lên đầu bằng giấy màu đỏ biểu tượng lớp da đầu; khung tre úp lên hài cốt biểu tượng mang thai; cây kê vạt giường và vạt giường biểu tượng xương hông; cái chăn vải trắng treo trên nóc nhà lễ biểu tượng bầu trời; cái hộp treo dưới cái chăn trắng biểu tượng cái đèn thần máu; dây chỉ trắng cột con chim mạ vàng với đèn thần máu biểu tượng con đường thiên thần.

Con chim mạ vàng được treo biểu tượng con ngựa của thần máu mù. Thần máu mù xuống từ đèn dầm chân lên con chim mạ vàng để ăn cơm và bánh thờ. Đánh trống thổi kèn hát xướng cho thần máu mù ăn cơm xong lên ngự trị và ngủ trong cái đèn. Do vậy, cần kéo đàn nhị hát xướng để ru hồn thần máu ngủ.

Lá buông cột ở đầu nhà lễ là chỗ để quan thần hồn thú ngự trị. Những thần dân của hồn thú thì ngự trị bên phía mặt trời lặn.

Đá bếp 9 cái biểu tượng mang thai 9 tháng; sáng ngày thiêu tháo dỡ nhà lễ khiêng đi thiêu biểu tượng đau bụng đẻ sắp sinh; cây kê vạt giường và vạt giường cùng các vật dụng khác đem đi đốt ở ngã ba đường biểu tượng rửa ráy sạch sẽ sau khi đẻ và trước khi lên giường nằm.

Việc khiêng hài cốt đi thiêu biểu tượng sinh đẻ; lấy xương cốt bỏ vào hộp là để tạo thành con trẻ; thầy Paséh ban hồn và hành lễ giỗ là biểu tượng dứt cơm cho con trẻ. Trong khi thầy Paséh hành lễ giỗ, thầy Paséh thợ và người bung com ngồi sau thầy Paséh giỗ, rồi thầy Paséh thợ lấy cục đất ném người bung com là biểu tượng ném ma do sợ ma đến quậy phá con trẻ; hành lễ giỗ xong, hộp xương cốt giao tức đưa trẻ sẽ đưa cho người bung com bế đi nuôi. (Quảng Văn Đại, MSTL-80/QVĐ/CT, tr. 64-69).

Cái đèn, con chim mạ vàng treo và dây chỉ trắng cột con chim biểu tượng cho hồn giữ thể xác để hồn lên xuống ăn cơm và bánh thờ, vì vậy hồn sẽ không bắt bớ con cháu dòng họ. Việc khiêng hài cốt đi đến ngã ba đường rồi xoay đầu biểu tượng hài nhi xoay đầu trong bụng mẹ và đau bụng đẻ; khiêng hài cốt đi đến chỗ thiêu rồi đặt xuống để thầy Paséh ngồi hành lễ ở đầu và chân hài cốt biểu tượng bà đỡ đẻ sửa bụng sản phụ cho hài nhi chào đời; khi bê hài cốt lên giàn hỏa thiêu biểu tượng lên giường đẻ; châm lửa đốt giàn hỏa và lấy thủ cấp biểu tượng hài nhi lọt lòng mẹ chào đời; trong rạp lễ ở chỗ thiêu, thầy Paséh ăn bánh biểu tượng làm sữa cho con bú; khi hành lễ, thầy Paséh vỗ tay bỏ hạt gạo và ném lên hài cốt biểu tượng làm bà đỡ để đặt tên cho trẻ, nếu nam thì tên là Cit Leng Ka, còn nữ - tên là Grak Gram Mah (tên Thánh).

Lấy thủ cấp làm xương cốt biểu tượng hài nhi đã lọt lòng mẹ; làm 9 miếng xương bỏ vào hộp đưa về nhà biểu tượng có đủ 9 giác quan (7 ở trên và 2 ở dưới), có như vậy mới lọt lòng mẹ. Chín miếng xương chôn đem đi làm cho đầy, để cha chữa 40 ngày và trở lại thành con giáp cho trẻ; 9 miếng xương giỗ đem đi cho đầy với cha chữa 40 ngày rồi trở lại thành con giáp để trẻ có tuổi.

Xương núi xương biển ai đến trước trả lời xương biển có trước thuộc giới nữ biểu tượng thầy Paséh cho ăn; xương núi có sau thuộc giới nam biểu tượng thầy Paséh tạo hài cốt (Quảng Văn Đại, MSTL-80/QVĐ/CT, tr. 6-9).

Nếu có ai hỏi cho xương cốt, đây là linh hồn và thể xác thân Yang Mo Sa là *Po Uw Luah* đến bảo đem người chết lên thiên đường, tận tầng đám mây trắng để tới thượng tầng thứ bảy. Xương núi hay xương biển đã có từ thời thần con người là *Po Hao Wa Po Adam* để tiễn đưa *Po Alua Huk*. Bởi vậy, *Po Alua Huk* tạo xương biển trước rồi mới tạo cây xoài cùng mọi thứ cây cỏ, chim chóc, sâu bọ, cá trong nước bởi vì *Po Hao Wa Adam* và tất cả có từ ngày *Ja Ma Ah* vào giờ thứ nhất, năm con rắn.

Của cải đem cho người chết gồm chăn, trâu, ngựa thì từ xa xưa khi đi đến thượng tầng thứ sáu, do gặp ma quỷ ra chặn và quấy phá, nên linh hồn người chết thỉnh cầu thần ban cho 5 chữ bùa (5 con chim thần) để đưa lên thiên đường. Khi đến thượng tầng thứ bảy thì mắc kẹt bởi sông Thiên đường và được *Po Jibira Ellak* cho con bò thần tiễn đưa qua sông. Do đó, của cải cho người chết là nhằm mướn bò thần. Việc thầy Paséh tạo hài cốt là hiện thân *Po Jibira Ellak*, còn *Awal* chỉ là một cái áo *Tikuek* (áo dành riêng cho tăng lữ Paséh) (Quảng Văn Đại, MSTL-80/QVĐ/CT, tr. 18-19).

Tháo dỡ đầu nhà lễ trước là biểu tượng linh hồn người chết ngự trị trên đèn đi ra với cha mẹ khi thầy Paséh cho ăn và tạo hài cốt; nhà thiên đường biểu tượng linh hồn giữ thể xác người chết; đốt nhà thiên đường trước với việc thầy Paséh chỉ cây gậy sư tổ lên trời - biểu tượng cho đường linh hồn đi lên thiên đàng để phục vụ thần Yang *Po Kuk* đến khi mãn hạn sẽ về lại với mẹ cha trên trần gian (về với đất mẹ, tức vào *kut*).

Đất thánh (*Tanâh kum pan*) trên thiên trần biểu tượng cái trán con người; 9 miếng xương chôn biểu tượng thuộc về đất mẹ; 9 miếng xương đem về giỗ biểu tượng thiên trần cha; một ở trên và một ở dưới, thiêu xong rồi giỗ ở chỗ thiêu biểu tượng cho con trẻ ăn và bú; ăn cơm với con gà trong lễ giỗ xương cốt lần đầu tiên tại chỗ thiêu biểu tượng bà đỡ đẻ và anh chị nuôi con trẻ.

Cái rổ úp ở đầu nhà lễ biểu tượng giữ thần máu cho đủ 3 ngày thì gọi giỗ 3 ngày, còn giỗ 7 ngày biểu tượng cho 7 giác quan ở đầu gồm: 2 lỗ tai, 2 con mắt, 2 lỗ mũi và 1 lỗ miệng. Giỗ đủ 7 ngày là để trùng với 7 chữ bùa trong lễ giỗ đầy tháng. Có như vậy, tất cả linh hồn và máu mới đến với thể xác, rồi trẻ mới biết nghe, biết nói. Đến ngày giỗ giáp năm bỏ 9 chữ bùa mới thành một con người khôn lớn nhìn thấy từ Đông sang Tây, từ Bắc sang Nam với tám gang tay (Quảng Văn Đại, MSTL-80/QVĐ/CT, tr. 11-13).

Thầy Paséh cho ăn và là thầy Paséh chủ lễ biểu tượng cho mẹ; thầy Paséh tạo hài cốt biểu tượng cho cha; thầy Paséh thổi tù và và thầy Paséh đánh trống biểu tượng cho bà đỡ đẻ; ông khiêng đám tang biểu tượng người nuôi dưỡng hài nhi; ông thợ chính (*ragei phun*) biểu tượng cho người trong gia đình người chết; ông thợ phụ (*ragei hajung*) biểu tượng bà con; ông thầy giữ nhà biểu tượng ông thầy giữ bàn tổ đỡ đẻ; bốn người đi trước biểu tượng thiên thần dẫn đường cho người chết (Quảng Văn Đại, MSTL-80/QVĐ/CT, tr. 5).

## Kết luận

Mỗi vật dụng, lễ vật và các thành phần chức sắc, chức việc trong đám tang thiêu đều mang một biểu tượng, một ý nghĩa nhất định và là một thành tố không thể thiếu trong nghi lễ hỏa táng của người Chăm ở Nam Trung Bộ. Cùng với lễ nghi, vật dụng và lễ vật góp phần thể hiện nhân sinh quan của người Chăm Bàlamôn nơi đây thông qua quan niệm về cái chết và sự tái sinh.

Theo quy luật tự nhiên, cái mới sẽ phủ định cái cũ và tất cả sẽ phải rơi rụng mất đi nếu không còn phù hợp với quy luật đổi mới và phát triển. Lễ tục hỏa táng của dân tộc Chăm sinh ra trong điều kiện nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu nhưng vẫn tồn tại cho đến ngày nay, bởi nó có sức sống nội sinh. Sức sống này đã góp phần bảo tồn văn hóa truyền thống dân tộc Chăm ở Nam Trung Bộ trong bối cảnh đổi mới, toàn cầu hóa và hội nhập.

## Tài liệu tham khảo

1. Phan Quốc Anh (2002), “Lễ hỏa táng của người Chăm Bàlamôn ở Ninh Thuận”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, Số 3, tr. 54-59.
2. Thiên Sanh Cảnh (1972), “Đám ma Chăm”, *Nội san Phanrang*, Số 2, tháng 11/1972.
3. Quảng Văn Đại, Thư tịch cổ (chữ Chăm) (MSTL-80/QVĐ/CT).
4. Quảng Văn Đại, Thư tịch cổ (chữ Chăm) (MSTL-91/QVĐ/CT).
5. Quảng Văn Đại, Thư tịch cổ (chữ Chăm) (MSTL-95/QVĐ/CT).
6. Hải Liên (1999), *Vai trò âm nhạc trong lễ hội dân gian của tộc người Chăm ở tỉnh Ninh Thuận*, Nxb. Viện Âm nhạc, Hà Nội.
7. Hải Liên (2002), *Cụm lễ tang của người Chăm Bàlamôn Ninh Thuận*, kịch bản phim khoa học trong chương trình bảo tồn văn hóa phi vật thể của Bộ Văn hóa - Thông tin.
8. Sử Văn Ngọc (1978), “Đám ma người Chăm Bàlamôn ở Thuận Hải”, trong: *Kỷ yếu hội thảo Dân tộc học: Những vấn đề về dân tộc học ở miền Nam Việt Nam*, Viện Khoa học xã hội tại TP. Hồ Chí Minh xuất bản, tr. 51 -55.